

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 29-4-2020

V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyền
Bà Trương Thị Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đường Hạc Vương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Ông Phan Quốc Phong- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường 7- trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai bị kháng nghị, kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 14/2020/QĐ-PT ngày 20/3/2020 và Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **La Hoàng N**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: tổ B, khu phố T, thị trấn G, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: tổ B, khu phố T, thị trấn G, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông La Hoàng N

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019.
(Ông N có mặt tại phiên tòa, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn ông La Hoàng N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 89, cấp ngày 28/12/1990. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay sau khi kết hôn, ông N thừa nhận nguyên nhân do ông N không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ nên bà T xúc phạm ông. Mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2019, cũng nguyên nhân do ông ngoại tình nên bà T ghen tuông và cùng với các con xúc phạm ông nên ông về nhà bố mẹ ruột ở. Thời gian không chung sống bà T và gia đình nội đã hòa giải cho vợ chồng nhưng ông N cương quyết không đồng ý quay về. Quá trình thu thập chứng cứ ông N cho rằng nguyên nhân ông yêu cầu ly hôn là do không còn tình cảm với bà T. Tại phiên tòa sơ thẩm ông khẳng định hiện ông đang có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, ông chưa xác định rõ mục đích ông ly hôn. Ông N thừa nhận bà T là người vợ tốt, chu toàn nghĩa vụ làm vợ, làm mẹ, làm con dâu. Lỗi hoàn toàn xuất phát từ bản thân ông mà nguyên nhân trực tiếp là do ông ngoại tình, ngoài ra không còn nguyên nhân gì khác.

Về con chung: Ông và bà T có 04 con chung là La Hoàng T, năm sinh 1993; La Hoàng H, năm sinh 1995; La Hoàng T, sinh ngày 20/4/2004 và La Hoàng N, sinh ngày 14/11/2005. Hiện các con chung là cháu T, N đang sống với bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao hai con chung là cháu T và cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng. Hai con chung là La Hoàng T, La Hoàng H đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên ông đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại Bản tự khai đề ngày 29/7/2019, đơn xin không ly hôn ngày 30/7/2019, quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà thừa nhận, bà và ông N xác lập quan hệ hôn nhân như ông N trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng bà T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông N trình bày. Ông N đã không chung thủy từ khi mới kết hôn đến nay nhưng bà hi sinh vì con và muốn níu kéo ông quay về nên tiếp tục chung sống với ông. Từ đầu năm 2019 đến nay ông N không còn chung sống với bà và các con nữa. Thời gian không chung sống thì ông N ở dưới nhà bố mẹ

ruột nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà. Ông N yêu cầu ly hôn thì bà T không đồng ý. Nguyên nhân vì bà còn muốn gia đình về hàn gắn, đoàn tụ, đồng thời một phần cũng do phần tài sản chung ông, bà chưa tự thỏa thuận được. Bên cạnh đó bản thân các con bà cũng không muốn ông, bà ly hôn. Về biện pháp hàn gắn gia đình, theo bà T, tính bà và ông N đều rất nóng tính. Trước đây mỗi lần xảy ra mâu thuẫn là xảy ra cãi vã, tuy nhiên thời gian gần đây bà không còn tranh cãi với ông N, để cho ông N thời gian tự suy nghĩ lại bản thân. Về phía bà, bà không có lỗi gì để dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bà T và các con chung một mục nín kéo hạnh phúc gia đình và sẵn sàng tha thứ để ông N quay về với vợ con.

Về con chung: Bà T thừa nhận vợ chồng có 04 con chung như ông N trình bày. Hiện các con chung đang sống với bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì bà đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N, đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông N đối với mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng. Cháu T và cháu H đã trưởng thành có khả năng lao động như ông N trình bày.

Về tài sản: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản án sơ thẩm số 55/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 5, 6, 7 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 4; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5; Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông La Hoàng N, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn” với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về chia tài sản, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/11/2019 nguyên đơn ông La Hoàng N kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ngày 02/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất kháng nghị toàn bộ bản án theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-DS với nội dung sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ do luật tố tụng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Giữa ông N và bà T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông N không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Từ đầu năm 2019 đến nay hai người đã sống ly thân. Cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Như vậy, đời sống hôn nhân của ông N, bà T không đạt được mục đích; quá trình giải quyết vụ án ông N thừa nhận không chung thủy, có quan hệ ngoại tình là những căn cứ cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Điều 89 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000. Xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông La Hoàng N là không có cơ sở. Do đó, đơn kháng cáo của nguyên đơn ông La Hoàng N và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông N và chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-DS ngày 02/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông La Hoàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông La Hoàng N làm trong hạn luật định và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án: Ông La Hoàng N và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào

năm 1990. Quá trình chung sống, chính ông N xác định ông không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Từ đầu năm 2019 đến nay hai người đã sống ly thân. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Ông N kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với bà T. Tại cấp sơ thẩm bà T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn muốn gia đình hàn gắn đoàn tụ đồng thời một phần cũng do phần tài sản chung ông, bà chưa tự thỏa thuận được. Như vậy, nguyên nhân bà T đưa ra để không đồng ý ly hôn là muốn gia đình hàn gắn, đoàn tụ nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu xin ly hôn của ông N để các bên có cơ hội hàn gắn, gìn giữ hạnh phúc gia đình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông N trình bày rõ về mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Ông không còn tình cảm với bà T và muốn ly hôn để có điều kiện chung sống hợp pháp với người khác, chấp hành đúng pháp luật. Bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng không có mặt mặc dù bà đã nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N. Như vậy, chứng tỏ bà T cũng bỏ mặc, không quyết tâm hàn gắn, níu kéo bảo vệ hạnh phúc gia đình. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát về việc ông N và bà T không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ là có căn cứ. Tuy nhiên, quan hệ nuôi con chung là quan hệ nhân thân gắn liền với quan hệ hôn nhân mà chưa được cấp sơ thẩm giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi nhân thân của các đương sự và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các con chưa thành niên khi giải quyết ly hôn, không để gián đoạn trách nhiệm chăm sóc, cấp dưỡng cho các con chưa thành niên sau khi giải quyết ly hôn nên cần phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết cho các đương sự ly hôn và đồng thời giải quyết vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự và lợi ích của trẻ.

Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông N và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất một phần phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 55/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019

của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

2. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông La Hoàng N số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007710 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai (1);
- TAND H.Thống Nhất (1);
- CCTHADS H. Thống Nhất (1);
- Đương sự (3);
- Lưu (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Đào